



CÁC YẾU TỐ THỨC ĐẨY HÀNH VI VÌ MÔI TRƯỜNG CỦA GIỚI TRẺ: TRƯỜNG HỢP SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ, ĐẠI HỌC HUẾ

Lê Minh Hiếu, Hoàng Trọng Hùng*, Trần Thị Trang, Phan Thị Thùy Ngân,
Đặng Thị Thanh Huyền, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thị Hồng

Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế, 99 Hồ Đắc Di, Huế, Việt Nam

* Tác giả liên hệ: Hoàng Trọng Hùng <hung.hoang@hce.edu.vn>

(Ngày nhận bài: 29-4-2022; Ngày chấp nhận đăng: 4-5-2022)

Tóm tắt. Mục tiêu của nghiên cứu này là xác định các yếu tố tác động đến hành vi vì môi trường của giới trẻ tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. Kết quả khảo sát trực tiếp 282 sinh viên với việc sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính (Structural Equation Modeling - SEM) cho thấy ba yếu tố bao gồm: "Các chính sách bảo vệ môi trường của nhà trường", "Các chính sách bảo vệ môi trường của địa phương", "Quan tâm đến môi trường của bản thân" đều tác động đến yếu tố "Cam kết với môi trường". Hai yếu tố "Các chính sách bảo vệ môi trường của địa phương", "Quan tâm đến môi trường của bản thân" tác động đến "Thái độ đối với môi trường". Các yếu tố "Cam kết với môi trường" và "Thái độ đối với môi trường" từ đó tác động đến Hành vi vì môi trường của sinh viên tại trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế.

Từ khóa: hành vi vì môi trường, chính sách bảo vệ môi trường của nhà trường, chính sách bảo vệ môi trường của địa phương, quan tâm đến môi trường, cam kết với môi trường, thái độ với môi trường

Factors affecting pro-environmental behaviour among young people: the case of students at University of Economics, Hue University

Le Minh Hieu, Hoang Trong Hung*, Tran Thi Trang, Phan Thi Thuy Ngan,
Dang Thi Thanh Huyen, Nguyen Trung Kien, Nguyen Thi Hong

University of Economics, Hue University, 99 Ho Duc Di St., Hue, Vietnam

* Correspondence to Hoang Trong Hung <hung.hoang@hce.edu.vn>

(Received: April 29, 2022; Accepted: May 4, 2022)

Abstract. This study aims to explore the factors affecting students' pro-environmental behaviour at the University of Economics, Hue University. Based on a survey of 282 students and using Structural Equation

Modelling (SEM), the results show that “university’s environmental protection policies”, “local province’s environmental protection policies”, and “environmental concern” directly affect “environmental commitment”. “Local province’s environmental protection policies” and “environmental concern” directly affect “environmental attitude”. Both “environmental commitment” and “environmental attitude” directly affect students’ pro-environmental behaviour.

Keywords: pro-environmental behaviour, university’s environmental protection policies, local province’s environmental protection policies, environmental concern, environmental commitment, environmental attitude

1 Đặt vấn đề

Những thách thức về môi trường mà thế giới phải đối mặt là vô cùng lớn. Trong Báo cáo các rủi ro toàn cầu năm 2020, tất cả 5/5 rủi ro đứng đầu theo khả năng xảy ra và 3/5 rủi ro đứng đầu theo tác động đều liên quan đến môi trường. Xu thế này đã gia tăng và càng trở nên rõ nét từ năm 2016 [1]. Nền văn minh của con người, các hoạt động kinh doanh và toàn cầu hóa là những nguyên nhân chính của các vấn đề môi trường hiện nay mà thế giới phải đối mặt. Nhiều nhà nghiên cứu đã điều tra tác động tiêu cực của loài người lên trái đất và khả năng hấp thụ của trái đất. Nhìn chung, tất cả đều cho thấy rằng chất lượng môi trường phụ thuộc mạnh mẽ vào các hành vi của con người.

Sự nóng lên toàn cầu, thiếu nước, ô nhiễm không khí, xói mòn đất, cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, phá rừng và mất đa dạng sinh học là một số vấn đề môi trường hiện nay đe dọa lớn đến tính bền vững và làm cho con người dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai và thảm kịch [2]. Do đó, môi trường vẫn luôn là vấn đề được xã hội quan tâm hàng đầu. Năm 2020 là năm có nhiều sự kiện thiên tai lớn trên toàn thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Nhìn chung vấn đề đều bắt nguồn từ ý thức con người đối với môi trường. Con người tác động tiêu cực nhiều đến môi trường làm biến đổi khí hậu diễn ra phức tạp gây nên nhiều thiên tai đáng tiếc cho nhân loại.

Mặc dù ô nhiễm môi trường ở nước ta thực sự đang là một vấn đề đáng báo động, việc giáo dục bảo vệ môi trường cho giới trẻ trong trường học chưa được chú trọng đúng mức. Hành vi vì môi trường vì thế chưa hình thành rõ nét trong cộng đồng học sinh, sinh viên. Ngoài ra, cho đến nay, các nghiên cứu trong nước liên quan đến hành vi vì môi trường và các yếu tố thúc đẩy hành vi vì môi trường của giới trẻ còn rất hạn chế. Vì vậy, trong nghiên cứu này, chúng tôi lấy trường hợp sinh viên trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế để nghiên cứu các yếu tố tác động đến hành vi vì môi trường của sinh viên tại nhà trường và từ đó đưa ra một số giải

pháp và hàm ý quản trị trong việc thúc đẩy hành vi vì môi trường của giới trẻ là sinh viên.

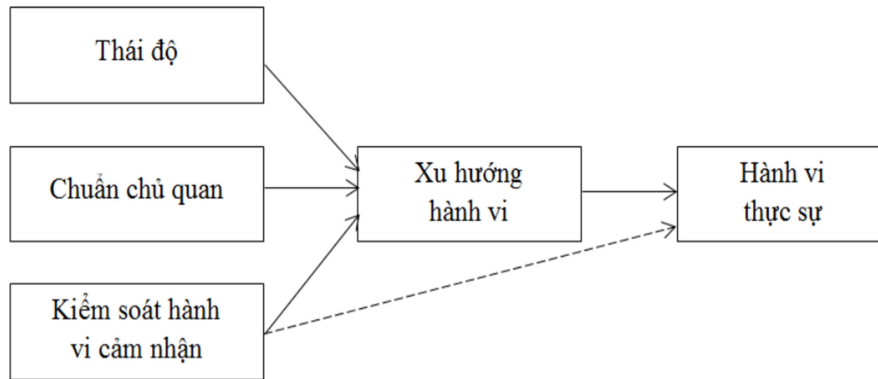
2 Cơ sở lý thuyết

2.1 Hành vi vì môi trường

Hành vi vì môi trường (pro-environmental behavior - PEB), còn được gọi là hành vi xanh, hành vi bền vững, hoặc hành vi thân thiện với môi trường, được định nghĩa là những hành vi trong đó các cá nhân thực hiện các hành động bảo vệ môi trường [3]. PEB bao gồm việc tham gia có trách nhiệm các hoạt động bảo vệ môi trường hoặc tái chế rác thải sinh hoạt và tái chế/tái sử dụng các vật dụng. PEB có thể là các phản ứng thích ứng với tác động của biến đổi khí hậu như mua các sản phẩm bền vững (ví dụ như sản phẩm hữu cơ - organic, sản phẩm tiết kiệm năng lượng), hạn chế sử dụng túi ni lông, tiết kiệm nước hoặc năng lượng hoặc thay đổi phương thức đi lại (ví dụ như đi bộ, đi xe đạp, hay xe bus công cộng thay vì đi xe máy), tích cực đóng góp vào các hoạt động môi trường vì cộng đồng [2].

2.2 Thuyết hành vi dự định

Nghiên cứu này tiếp cận một phần lý thuyết hành vi dự định (TPB – Theory of Planned Behaviour) để phát triển mô hình các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi hướng đến môi trường (Số đồ 1). Trong mô hình thuyết hành vi dự định, ngoài hai yếu tố tác động đến ý định hành vi của một cá nhân là thái độ và chuẩn chủ quan thì có thêm một yếu tố nữa đó là nhận thức kiểm soát hành vi. Nhận thức kiểm soát hành vi đề cập đến khả năng một cá nhân để thực hiện một hành vi nhất định, phản ánh việc dễ dàng hay khó khăn khi thực hiện hành vi và việc thực hiện hành vi đó có bị kiểm soát hay hạn chế hay không [4]. Theo Thuyết hành vi dự định, nhận thức kiểm soát hành vi và ý định có thể sử dụng để tác động trực tiếp đến hành vi. Nhận thức kiểm soát hành vi vừa là nhân tố ảnh hưởng tới ý định vừa là nhân tố tác động tới hành vi thực tế.



Hình 1. Mô hình Lý thuyết hành vi dự định (TPB)

Nguồn: Lý thuyết hành vi dự định của Ajzen [4].

2.3 Một số công trình nghiên cứu liên quan và mô hình nghiên cứu đề xuất

Một số công trình nghiên cứu liên quan

Các công trình nghiên cứu trong nước chỉ ra rằng cần nâng cao hơn nữa ý thức bảo vệ môi trường cho giới trẻ, đặc biệt là học sinh, sinh viên thông qua các lớp kỹ năng sống. Kết quả khảo sát cũng phác thảo công trình nghiên cứu cho rằng sự đóng góp của gia đình vào việc giáo dục môi trường cho giới trẻ là rất thấp [5].

Nghiên cứu của Carman và Zint cũng đã nhận thấy rằng sinh viên trải qua những thay đổi sâu sắc trong các giả định nhận thức luận và “bản sắc” của họ trong những năm đại học [6]. Do đó, thường có vẻ hợp lý khi suy ra rằng những thay đổi về kiến thức, thái độ và hành vi liên quan đến tính bền vững hay hành vi vì môi trường có thể được thấy rõ trong quá trình học tập của họ.

Trong một bài nghiên cứu về hành vi vì môi trường, Shafiei và Maleksaeidi đã sử dụng lý thuyết động cơ bảo vệ làm khuôn khổ để giải thích hành vi vì môi trường của một mẫu 310 sinh viên Iran [7]. Nghiên cứu chỉ ra rằng lý thuyết động lực bảo vệ được xây dựng cùng với thái độ môi trường có thể giải thích một phần đáng kể phương sai trong hành vi ủng hộ môi trường. Dựa trên kết quả về thái độ môi trường, hiệu quả bản thân, chi phí nhận thức được của hành vi vì môi trường và phần thưởng bên trong lẫn bên ngoài của các hành vi không thân thiện với môi trường hiện tại, nghiên cứu đã khuyến nghị một số giải pháp thúc đẩy hành vi môi trường

của sinh viên Iran.

Có thể thấy các nghiên cứu trong nước và quốc tế liên quan đến thúc đẩy hành vi vì môi trường cho giới trẻ còn hạn chế. Đặc biệt, các nghiên cứu trước đây chưa tiếp cận một cách đầy đủ tác động các yếu tố bên ngoài (ví dụ chính sách bảo vệ môi trường của nhà trường và của địa phương) và các yếu tố bên trong (ví dụ quan tâm đến môi trường) và bằng cách nào các yếu tố nào tác động đến hành vi vì môi trường của giới trẻ. Vì vậy, trong nghiên cứu này, chúng tôi tiếp cận 3 nhóm yếu tố này trong việc giải thích hành vi vì môi trường của giới trẻ là sinh viên.

Giả thuyết và mô hình nghiên cứu đề xuất

Việc lồng ghép các môn học về môi trường trong chương trình học và các chương trình ngoại khoá có thể góp phần nâng cao nhận thức về môi trường. Sinh viên có thái độ đối với môi trường tích cực hơn khi tiếp xúc với nhiều vấn đề về môi trường trong các chương trình học cũng như các chính sách và hoạt động môi trường. Ngoài ra, các nhà nghiên cứu đã chỉ ra rằng việc nâng cao nhận thức về môi trường của một cá nhân thông qua các chính sách và hoạt động môi trường của nhà trường dẫn đến thái độ tích cực hơn đối với môi trường [8] và cá nhân có cam kết trách nhiệm hơn với hành vi vì môi trường [9]. Vì vậy, các giả thuyết sau được đề xuất:

H1: Chính sách/ hoạt động/ chiến dịch bảo vệ môi trường của nhà trường tác động tích cực đến Thái độ đối với môi trường.

H2: Chính sách/ hoạt động/ chiến dịch bảo vệ môi trường của nhà trường tác động tích cực đến cam kết với môi trường.

Để thực hiện hành vi thì con người phụ thuộc vào những nguồn lực và cơ hội sẵn có hay nói cách khác chính là sự dễ dàng hoặc khó khăn khi thực hiện hành vi đó. Cá nhân có sự tiếp cận lâu dài với các chính sách, hoạt động cụ thể sẽ có xu hướng muốn thực hiện lại các hoạt động, hành vi trước đó. Do đó cá nhân thường xuyên tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường của địa phương nơi họ sinh sống tổ chức thường có xu hướng tăng thái độ và sự cam kết với môi trường.

Các chính sách môi trường của địa phương cũng đã tham gia vào việc truyền thông, giáo dục, hướng hành vi của công dân về vấn đề môi trường [10]. Các chính sách bảo vệ môi trường của địa phương như ngày chủ nhật xanh, chống rác thải nhựa, nói không với túi ni lông... góp phần nâng cao thái độ của giới trẻ trong việc bảo vệ môi trường cũng như gia tăng sự cam kết của họ với vấn đề môi trường. Vì vậy, giả thuyết nghiên cứu sau được đề xuất:

H3: Chính sách/ hoạt động/ chiến dịch bảo vệ môi trường của địa phương có ảnh hưởng tích cực đến Thái độ đối với môi trường.

H4: Chính sách/ hoạt động/ chiến dịch bảo vệ môi trường của địa phương có ảnh hưởng tích cực đến Cam kết với môi trường.

Cá nhân có sự quan tâm đến môi trường như những vấn đề liên quan đến sự nóng lên của trái đất, sự thay đổi khí hậu, thời tiết cực đoan,... thì sẽ gia tăng thái độ tích cực của họ đối với môi trường như thấy rằng việc bảo vệ môi trường là hoàn toàn cấp thiết. Cá nhân có sự quan tâm đến môi trường như vậy thì họ cũng có xu hướng có sự cam kết cao trong việc bảo vệ môi trường để có những hành vi tích cực bảo vệ môi trường. Vì vậy, giả thuyết sau được đề xuất:

H5: Quan tâm đến môi trường ảnh hưởng tích cực đến Thái độ đối với môi trường

H6: Quan tâm đến môi trường ảnh hưởng tích cực đến Cam kết với môi trường.

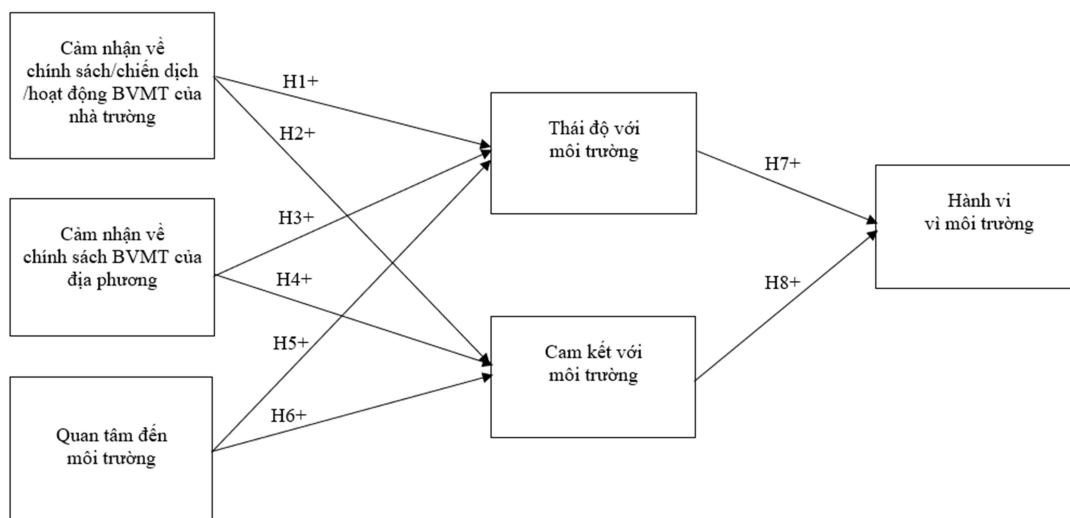
Lý thuyết hành vi dự định của Ajzen chỉ ra rằng, thái độ là một trong những yếu tố ảnh hưởng đến hành vi. Thái độ cá nhân hướng về hành vi được định nghĩa là những cảm giác tích cực hay tiêu cực của một cá nhân khi thực hiện hành vi đó [11]. Thái độ là một trong những yếu tố quan trọng ảnh hưởng đến hành vi và là chỉ số tốt nhất để dự đoán hành vi [12]. Thái độ đối với môi trường được thừa nhận là yếu tố quyết định của hành vi [13]. Vì vậy, giả thuyết sau được đề xuất:

H7: Thái độ đối với môi trường của bản thân ảnh hưởng tích cực đến Hành vi vì môi trường

Pan và cs. [14] cho rằng sinh viên Đại học ở Đài Loan có điểm mô hình tinh thần môi trường cao hơn thì sẽ thể hiện sự kết nối cảm xúc cao hơn từ đó có sự cam kết đối với môi trường, điều đó cho thấy rằng cam kết với môi trường là một yếu tố quan trọng trong việc thúc đẩy hành vi ủng hộ môi trường.

Davis, Le và Coy [15] phát biểu rằng những cá nhân có mức độ hài lòng cao và đầu tư cho môi trường có nhiều khả năng có mức độ cam kết môi trường cao, do đó thúc đẩy họ tham gia vào các hành vi vì môi trường. Cam kết môi trường có xu hướng tăng cường nhận thức của các cá nhân về bản thân, do đó thúc đẩy họ trở thành những cá nhân thân thiện với môi trường. Do đó, có thể thấy rằng cam kết môi trường của các cá nhân có thể là một yếu tố dự báo quan trọng về hành vi ủng hộ môi trường của giới trẻ. Vì vậy, giả thuyết sau được đề xuất:

H8: Cam kết đối với môi trường của bản thân ảnh hưởng tích cực đến Hành vi vì môi trường



Hình 2. Mô hình nghiên cứu đề xuất

3 Phương pháp

3.1 Thu thập và phân tích số liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu phân tầng để có được mức độ bao quát trong tổng thể mẫu. Vì lý do dịch bệnh nghiên cứu chỉ khảo sát được theo hình thức trực tuyến nên phương pháp chọn mẫu thuận tiện là phù hợp với nghiên cứu này. Theo Hair và cs. [16] thì số lượng mẫu được chọn phải gấp 5 lần biến quan sát. Nghiên cứu này sử dụng 28 biến quan sát nên kích cỡ mẫu tối thiểu là 140. Ngoài ra, để kiểm định được các mối liên hệ trong mô hình sử dụng mô hình cấu trúc tuyến tính SEM (Structural Equation Modeling), nghiên cứu cần có tối thiểu là 200 phản hồi; tuy nhiên, để tránh trường hợp các phiếu điền không đầy đủ thông tin và các phiếu không đảm bảo độ tin cậy cần thiết, nhóm tác giả sử dụng 320 phiếu. Ba trăm hai mươi sinh viên được khảo sát trực tuyến và thu được 282 phiếu trả lời hợp lệ. Việc điều tra được tiến hành tại đường dẫn khảo sát trực tuyến: <https://rgl.mobi/PctwD>.

Kết quả khảo sát được phân tích bằng phần mềm thống kê SPSS 22 và AMOS 22. Các thang đo được kiểm định độ tin cậy bằng chỉ số Cronbach's Alpha. Do các thang đo trong

nguyên cứu phần lớn được kế thừa và chỉnh sửa lại trong bối cảnh mới nên phân tích yếu tố khám phá EFA được thực hiện. Sau đó, phân tích nhân tố khẳng định (CFA – Confirmatory Factor Analysis) được thực hiện để kiểm tra mô hình đo lường có đạt yêu cầu hay không. Nghiên cứu sử dụng chỉ số Chi-square điều chỉnh theo bậc tự do (CMIN/df), chỉ số thích hợp so sánh CFI (Comparative Fit Index), chỉ số GFI (Goodness of Fix Index), chỉ số Tucker và Lewin TLI và chỉ số RMSEA (Root Mean Square Error of Approximation). Tiêu chuẩn cho sự phù hợp của mô hình qua các chỉ số bao gồm: CMIN/df ≤ 3 là tốt, CMIN/df ≤ 5 là chấp nhận được, CFI $\geq 0,9$ là tốt, CFI $\geq 0,95$ là rất tốt, CFI $\geq 0,8$ là chấp nhận được, GFI $\geq 0,9$ là tốt, GFI $\geq 0,95$ là rất tốt, RMSEA $\leq 0,06$ là tốt, RMSEA $\leq 0,08$ là chấp nhận được [16]. Cuối cùng, mô hình cấu trúc tuyến tính SEM được sử dụng để kiểm chứng sự ảnh hưởng của các yếu tố đến hành vi vì môi trường của sinh viên.

3.2 Thang đo

Các thang đo sử dụng để phân tích trong nghiên cứu này hầu hết là các thang đo đã được sử dụng trong các nghiên cứu trước đây, được dịch sang tiếng Việt (nếu là thang đo tiếng Anh) và hiệu chỉnh lại cho phù hợp với bối cảnh nghiên cứu. Thang đo Likert 5 mức độ từ 1 (hoàn toàn không đồng ý) đến 5 (hoàn toàn đồng ý) được sử dụng trong nghiên cứu này. Thang đo cụ thể các biến được thể hiện trong Bảng 1.

Bảng 1. Thang đo các biến

Thang đo	Câu hỏi	Nguồn
Các chính sách bảo vệ môi trường của nhà trường	Nhà trường có chế độ thưởng/phạt hợp lý cho các hành động có ý thức hoặc không có ý thức về môi trường	Goldman và cs., [17]
	Nhà trường có nhiều CLB, Đội, nhóm hoạt động, tuyên truyền, thực hành bảo vệ môi trường	
	Hệ thống thu gom và xử lý rác thải của nhà trường hợp lý, được bố trí nhiều trong khuôn viên trường.	
	Nhà trường có nhiều poster, banner, khẩu hiệu tuyên truyền về việc bảo vệ môi trường (bảng nội quy, bảng nhắc nhở tắt nước trước phòng vệ sinh, không hút thuốc lá, tắt đèn khi không sử dụng,...)	
	Nhà trường lồng ghép các chủ đề về bảo vệ môi trường trong các hội nghị, cuộc họp, buổi trao đổi với sinh viên,...	
Các chính sách bảo vệ môi trường của địa	Địa phương tôi có nhiều chương trình và hành động bảo vệ môi trường (như “ Chủ Nhật xanh” ...)	
	Địa phương tôi luôn tuyên truyền tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên và năng lượng, tái chế, tái sử dụng và giảm thiểu chất thải	

Thang đo	Câu hỏi	Nguồn
phương	Các chính sách bảo vệ môi trường của địa phương được phổ cập rộng rãi đến người dân Địa phương tôi khuyến khích người dân đưa ra các đề xuất/sáng kiến để bảo vệ/cải thiện môi trường Người dân hoàn toàn hiểu được chính sách môi trường, mục đích và trách nhiệm môi trường của địa phương	
Quan tâm đến môi trường	Con người đang lạm dụng nghiêm trọng đến môi trường Con người phải chung sống hài hòa với thiên nhiên để có thể tồn tại Tôi nghĩ vấn đề về môi trường là rất quan trọng Tôi nghĩ chúng ta nên quan tâm đến các vấn đề về môi trường	Ajzen [18]
Thái độ của bản thân với môi trường	Thật đúng đắn khi cần có hành vi bảo vệ môi trường Luôn thực hiện bảo vệ môi trường là một quyết định sáng suốt Tôi thích ý tưởng thúc đẩy hành vi bảo vệ môi trường	
Cam kết của bản thân với môi trường	Tôi thực sự quan tâm đến vấn đề môi trường Tôi cảm thấy có lỗi nếu không tham gia vào những hành vi bảo vệ môi trường trong cuộc sống hàng ngày Tôi tin rằng tôi có nghĩa vụ trong việc gia tăng hành vi bảo vệ môi trường Tôi cảm thấy có trách nhiệm tham gia các hoạt động/hành vi bảo vệ môi trường	Okumus và cs. [19]
Hành vi vì môi trường của giới trẻ	Tôi thường cố gắng mua/sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường Tôi tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường do nhà trường và địa phương tổ chức (như trồng cây, ngày chủ nhật xanh,...) Tôi cố gắng sử dụng phương tiện thân thiện nhất khi có thể (như đi xe đạp, đi bộ) Tôi sử dụng tiết kiệm điện, nước Tôi cố gắng giảm thiểu rác thải và tránh sử dụng túi ni lông hàng ngày Tôi cố gắng tái chế, tái sử dụng mọi thứ khi có thể Tôi vận động mọi người cùng tham gia các công việc vì môi trường tại trường học và địa phương	Chou [20] Hsiao và cs. [21] Scherbaum và cs. [22] Tudor và cs. [23]

3.3 Mẫu nghiên cứu

Mẫu nghiên cứu cuối cùng thu thập được gồm 282 phản hồi của sinh viên, trong đó 46,5% là nam và 53,5% là nữ. Số sinh viên nội tỉnh chiếm phần lớn, với 53,9% sinh viên là người dân thành phố Huế.

4 Kết quả

4.1 Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha ở Bảng 2 cho thấy 8 thang đo được giữ nguyên với hệ số đều lớn hơn 0,7. Tất cả các biến đều có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3 và hệ số Cronbach's Alpha nếu loại biến vẫn thấp hơn Cronbach's Alpha chung.

4.2 Phân tích yếu tố khám phá

Theo Hair và cs. [16], hệ số tải nhân tố hay trọng số nhân tố (Factor loading) là chỉ tiêu để đảm bảo mức ý nghĩa thiết thực của EFA. Điều kiện để phân tích nhân tố khám phá phải thoả mãn các yêu cầu:

Hệ số tải nhân tố (Factor loading) $> 0,5$, $0,5 \leq KMO \leq 1$, trong đó hệ số KMO (Kaiser-Meyer-Olkin) là chỉ số đo lường sự thích hợp của phân tích nhân tố; hệ số này càng lớn thì ý nghĩa phân tích nhân tố càng phù hợp. Kiểm định Bartlett có ý nghĩa thống kê với giá trị Sig. $< 0,05$, đạt được điều kiện này có nghĩa các biến có tương quan với nhau và thoả mãn điều kiện phân tích nhân tố. Tiến hành phân tích nhân tố khám phá cho toàn bộ thang đo và thu được hệ số tải các nhân tố

Bảng 2. Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha

Thang đo	Số biến quan sát		Cronbach's Alpha
	Trước	Sau	
Các chính sách bảo vệ môi trường của nhà trường	5	5	0,860
Các chính sách bảo vệ môi trường của địa phương	5	5	0,901
Quan tâm của bản thân đến các vấn đề về môi trường	4	4	0,909
Cam kết của bản thân với môi trường	3	3	0,866
Thái độ của bản thân với môi trường	4	4	0,903
Hành vi vì môi trường của sinh viên	7	7	0,909

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên SPSS

đều lớn hơn 0,3. Phần trăm phương sai trích (Percentage of variance) thể hiện phần trăm biến thiên của các biến quan sát, hay cho biết nhân tố giải thích được bao nhiêu phần trăm biến thiên của dữ liệu; hệ số này đạt yêu cầu khi lớn hơn 50%.

Giá trị KMO = 0,957 > 0,5 điều này khẳng định dữ liệu dùng để phân tích nhân tố là hoàn toàn phù hợp. Kết quả kiểm định Barlett là 0,378 với mức ý nghĩa Sig. = 0,000 nhỏ hơn 0,05. Điều này có nghĩa là các biến có tương quan với nhau. Phần trăm phương sai trích có giá trị là 65,580% lớn hơn 50% nên có thể nói rằng 5 nhân tố này giải thích được 65,580% sự biến thiên của dữ liệu.

Bảng 3. Hệ số tải các nhân tố

Thành phần	Các yếu tố trích					
	1	2	3	4	5	6
HV7	0,880					
HV5	0,762					
HV6	0,712					
HV3	0,680					
HV2	0,668					
HV1	0,659					
HV4	0,452					
CN4		0,920				
CN3		0,892				
CN2		0,751				
CN1		0,733				
NT3			0,840			
NT4			0,684			
NT5			0,677			
NT2			0,580			
NT1			0,558			
CK2				0,849		
CK4				0,782		
CK3				0,740		
CK1				0,689		
DP3					0,752	
DP4					0,741	
DP5					0,730	
DP2					0,580	
DP1					0,441	
TD3						0,732
TD1						0,702
TD2						0,667

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên SPSS

4.3 Phân tích nhân tố khẳng định

Nhằm đánh giá độ tin cậy và độ giá trị các thang đo, nghiên cứu tiến hành phân tích nhân tố khẳng định.

Thứ nhất: Đo lường mức độ phù hợp của mô hình

Nghiên cứu sử dụng các chỉ số sau để đánh giá mức độ phù hợp của mô hình: Chi-square điều chỉnh bậc tự do $CMIN/df < 3$; Chỉ số Tucker và Lewis $TLI > 0,9$; Chỉ số thích hợp so sánh $CFI > 0,9$; chỉ số $GFI > 0,85$ và Chỉ số $RMSEA < 0,08$. Các chỉ số này ở Bảng 4 đều có giá trị thỏa mãn với điều kiện, vì vậy có thể coi mô hình nghiên cứu phù hợp với dữ liệu.

Thứ hai: Đánh giá độ tin cậy thang đo

Để đánh giá độ tin cậy của thang đo, nghiên cứu này sử dụng các chỉ số: Độ tin cậy tổng hợp (CR), tổng phương sai rút trích (AVE) (Bảng 5) và hệ số Cronbach's Alpha (đã phân tích trong mục 4.1).

Các giá trị độ tin cậy tổng hợp và tổng phương sai rút trích của các thang đo nhìn chung đều thỏa mãn yêu cầu $CR > 0,7$ và $AVE > 0,5$. Như vậy, qua Bảng 5 có thể khẳng định các thang đo đạt yêu cầu.

Bảng 4. Các chỉ số đánh giá độ phù hợp của mô hình

Chỉ số	CMIN/DF	GFI	CFI	TLI	RMSEA
Giá trị	1,858	0,864	0,950	0,932	0,055

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên AMOS

Bảng 5. Độ tin cậy tổng hợp và tổng phương sai rút trích các khái niệm

Khái niệm	Độ tin cậy tổng hợp $CR \geq 0.7$	Tổng phương sai trích $AVE \geq 0.5$
Hành vi vì môi trường của sinh viên	0,909	0,589
Quan tâm của bản thân đến các vấn đề về môi trường	0,911	0,719
Các chính sách bảo vệ môi trường (BVMT) của nhà trường	0,862	0,556
Cam kết của bản thân với môi trường	0,903	0,700
Các chính sách BVMT của địa phương	0,903	0,650
Thái độ của bản thân với môi trường	0,867	0,686

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên AMOS 22 và phần mềm Excel

Thứ ba: Kiểm định giá trị hội tụ

Kết quả kiểm định CFA bằng AMOS 20 cho thấy tất cả các biến quan sát đều có trọng số với giá trị lớn hơn 0,5, các giá trị p đều nhỏ hơn 0,05 tức là có ý nghĩa thống kê. Mặt khác, các giá trị AVE đều thỏa mãn yêu cầu. Từ các kết quả trên có thể kết luận thang đo đạt được giá trị hội tụ.

Thứ tư: Tính nguyên đơn

Mức độ phù hợp mô hình với dữ liệu thị trường cho chúng ta điều kiện cần và đủ để cho tập biến quan sát đạt được tính nguyên đơn, trừ trường hợp sai số của các biến quan sát có tương quan với nhau. Từ kết quả thu được ở Bảng 4, mô hình được xem là phù hợp với dữ liệu thị trường và không có tương quan giữa các sai số đo lường nên có thể kết luận nó đạt tính nguyên đơn.

Thứ năm: Giá trị phân biệt

Giá trị phân biệt được đánh giá qua hai tiêu chí: (1) Hệ số tương quan giữa các nhân tố khác 1; (2) Giá trị căn bậc hai của tổng phương sai rút trích một khái niệm so với khái niệm còn lại. Kết quả cho thấy các yêu cầu này đều đạt, và các khái niệm hay thang đo đạt giá trị phân biệt.

4.4 Kết quả mô hình cấu trúc tuyến tính SEM

Kết quả mô hình có các chỉ số CMIN/df = 2,633; TLI = 0,931; CFI = 0,883; GFI = 0,943 và RMSEA = 0,076 đạt yêu cầu nên có thể kết luận mô hình phù hợp với dữ liệu nghiên cứu.

Kết quả xử lý dữ liệu cho thấy 3 nhân tố gồm “Chính sách BVMT của nhà trường”, “Chính sách BVMT của địa phương” và “Quan tâm đến môi trường” có tác động tích cực đến “Cam kết với môi trường”, 2 nhân tố “Chính sách BVMT của địa phương” và “Quan tâm đến môi trường” có tác động tích cực đến “Thái độ với môi trường”. “Cam kết với môi trường” và “Thái độ với môi trường” có ảnh hưởng tích cực đến “Hành vi vì môi trường” (Bảng 6).

Bảng 6. Kết quả kiểm định các mối quan hệ trong mô hình

	Hệ số chuẩn hóa	S.E.	Mức ý nghĩa
Quan tâm đến môi trường → Thái độ đối với môi trường	0,493	0,063	0,00
Quan tâm đến môi trường → Cam kết với môi trường	0,316	0,057	0,00
Chính sách của nhà trường → Thái độ đối với môi trường	0,090	0,109	0,412
Chính sách của nhà trường → Cam kết với môi trường	0,195	0,102	0,050
Chính sách của địa phương → Thái độ đối với môi trường	0,379	0,102	0,000
Chính sách của địa phương → Cam kết với môi trường	0,301	0,094	0,001
Cam kết với môi trường → Hành vi vì môi trường	0,497	0,067	0,000
Thái độ đối với môi trường → Hành vi vì môi trường	0,313	0,056	0,000

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên AMOS 22

Bảng 7. Kết quả kết luận các giả thuyết

Giả thuyết	Phát biểu	Kết luận
H1	Các chính sách của nhà trường ảnh hưởng đến thái độ đối với môi trường của sinh viên	Không chấp nhận
H2	Các chính sách của nhà trường ảnh hưởng đến cam kết đối với môi trường của sinh viên	Chấp nhận
H3	Các chính sách của địa phương ảnh hưởng đến thái độ đối với môi trường của sinh viên	Chấp nhận
H4	Các chính sách của địa phương ảnh hưởng đến cam kết đối với môi trường của sinh viên	Chấp nhận
H5	Quan tâm đến môi trường của bản thân ảnh hưởng đến thái độ đối với môi trường của sinh viên	Chấp nhận
H6	Quan tâm đến môi trường của bản thân ảnh hưởng đến cam kết với môi trường của sinh viên	Chấp nhận
H7	Thái độ đối với môi trường của sinh viên ảnh hưởng đến Hành vi vì môi trường của sinh viên	Chấp nhận
H8	Cam kết với môi trường của sinh viên ảnh hưởng đến Hành vi vì môi trường của sinh viên	Chấp nhận

Nguồn: Kết quả xử lý số liệu trên AMOS 22

5 Kết luận và các hàm ý quản trị

Kết quả nghiên cứu cho thấy rằng nhân tố “Cam kết với môi trường” tác động mạnh nhất đến “Hành vi vì môi trường” của sinh viên, tiếp theo đó là yếu tố “Thái độ đối với môi trường”. “Quan tâm đến môi trường” tác động mạnh nhất đến “Thái độ đối với môi trường” và “Cam kết của bản thân đối với môi trường”, tiếp theo đó lần lượt là các nhân tố “Chính sách bảo vệ môi trường của địa phương” và “Chính sách bảo vệ môi trường của nhà trường”. Để hành vi hướng đến môi trường của sinh viên cao hơn nữa, nghiên cứu đề xuất các kiến nghị sau: Tổ chức lồng ghép các chương trình của CLB/Đội/Nhóm trong trường với các chủ đề liên quan đến bảo vệ môi trường. Sử dụng điểm rèn luyện là một trong những công cụ chính để giảm thiểu các hành động gây hại cho môi trường của sinh viên. Nâng cao hiệu quả các chương trình bằng việc lồng ghép team building, dã ngoại, tham quan kết hợp với việc bảo vệ môi trường. Có các cuộc thi thường niên về các giải pháp giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Hạn chế của nghiên cứu này là chỉ được thực hiện tại một cơ sở giáo dục. Cụ thể, nghiên cứu chỉ tập trung đo lường mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến hành vi vì môi trường của sinh viên tại Trường Đại học Kinh tế, Đại học Huế. Giá trị nghiên cứu sẽ cao hơn nếu được thực hiện ở nhiều nhà trường, tổ chức và nhiều khu vực khác nhau và khái quát cho toàn bộ về hành vi đối với môi trường của giới trẻ.

Tài liệu tham khảo

1. Wang, Y., Liang, J., Ma, X., Li, X., Yang, G., Ren, G., Feng, Y. (2019), Analysis of the environmental behavior of farmers for non-point source pollution control and management: An integration of the theory of planned behavior and the protection motivation theory, *Journal of Environmental Management*, 237, 15–23.
2. Lange, F. and Dewitte, S. (2019), Measuring pro-environmental behavior: Review and recommendations, *Journal of Environmental Psychology*, 92–100.
3. Yu, X. (2014), Is the environment ‘a city thing’ in China? Rural-urban differences in environmental attitudes, *Journal of Environmental Psychology*, 38, 39–48.
4. Ajzen. (1991), The theory of planned behavior, *Organizational Behavior and Human Decision Processes*, 50, 179–211.

5. Trần Thanh Thảo (2013), Phân Tích Nhận Thức, Kiến Thức, Thái Độ Và Hành Động Về Môi Trường Ở Học Sinh Trung Học Cơ Sở Và Trung Học Phổ Thông Quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 27, 100–107.
6. Carman, J.P. and Zint, M.T. (2020), Defining and classifying personal and household climate change adaptation behaviors, *Global Environmental Change*, 61, 102062.
7. Shafiei, A. and Maleksaeidi, H. (2020), Pro-environmental behavior of university students: Application of protection motivation theory, *Global Ecology and Conservation*, 22, e00908.
8. Myers, O. and Beringer, A. (2010), Sustainability in Higher Education: Psychological Research for Effective Pedagogy, *Canadian Journal of Higher Education*, 40, 51–77.
9. Lam, T., Hsu, C. (2004), Theory of Planned Behavior: Potential Travelers from China, *Journal of Hospitality & Tourism Research*, 28, 463–482.
10. Tummers, L. (2019), Public Policy and Behavior Change, *Public Administration Review*, 79, 925–930.
11. Schiffman, L. (1987), *Consumer Behaviour*, Prentice-Hall.
12. Rana, J., Paul, J. (2017), Consumer behavior and purchase intention for organic food: A review and research agenda, *Journal of Retailing and Consumer Services*, 38, 157–165.
13. Chan, R., Lau, L. (2002), Explaining Green Purchasing Behavior: A Cross-Cultural Study on American and Chinese Consumers, *Journal of International Consumer Marketing*, 14, 9–40.
14. Pan, Z., Liu, Q., Sun, Y., Sun, X. and Lin, H. (2019), Environmental implications of microplastic pollution in the Northwestern Pacific Ocean, *Marine Pollution Bulletin*, 146, 215–224.
15. Davis, J, Le, B., and Coy, A. (2011). Building a model of commitment to the natural environment to predict ecological behavior and willingness to sacrifice, *Journal of Environmental Psychology*, 31, 257–265.
16. Hair (1998), *Multivariate Data Analysis*, Prentice-Hall International.
17. Goldman, D., Yavetz, B., Pe'er, S. (2014), Student teachers' attainment of environmental literacy in relation to their disciplinary major during undergraduate studies, *International Journal of Environmental & Science Education*, 9, 369–383.
18. Ajzen, I. (2002), Constructing a TPB Questionnaire: Conceptual and Methodological Considerations, Working Paper, University of Massachusetts, Amherst, September 2002.

19. Okumus, F.; Köseoglu, M.; Chan, E.; Hon, A.; Avci, U. (2019), How do hotel employees' environmental attitudes and intentions to implement green practices relate to their ecological behavior?, *Journal of Hospitality and Tourism Management*, 39, 193–200.
20. Chou, C.-J., 2014. Hotels' environmental policies and employee personal environmental beliefs: interactions and outcomes, *Tourism Management*, 40, 436–446.
21. Hsiao, T.-Y., Chuang, C.-M., Kuo, N.-W., Yu, S.M.-F. (2014), Establishing attributes of an environmental management system for green hotel evaluation, *International Journal of Hospitality Management*, 36, 197–208.
22. Scherbaum, C. A., Popovich, P. M. and Finlinson, S. (2008), Exploring Individual-Level Factors Related to Employee Energy-Conservation Behaviors at Work, *Journal of Applied Social Psychology*, 38, 818–835.
23. Tudor, T.L., Barr, S.W., Gilg, A.W. (2007), Linking intended behaviour and actions: a case study of healthcare waste management in the Cornwall NHS, *Resources, Conservation & Recycling*, 51(1), 1–23.